

Biểu mẫu 20

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học

Năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Khối ngành	Tổng cộng	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I
1	Khối ngành I	13	1	1	13	0	0	10	3	0
1.1	<i>LL&PPGDBM tiếng Anh</i>	13	1	1	13	0	0	10	3	0
2	Khối ngành II									
	<i>Ngành....</i>									
	<i>Ngành....</i>									
3	Khối ngành III	203	3	6	64	139	0	196	5	2
3.1	<i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	6	0	0	1	5	0	6	0	0
3.2	<i>Kế toán</i>	31	0	1	5	26	0	31	0	0
3.3	<i>Luật kinh tế - Luật học</i>	33	0	1	12	21	0	31	2	0
3.4	<i>Quản trị kinh doanh</i>	90	1	3	32	58	0	86	3	1
3.5	<i>Tài chính ngân hàng</i>	43	2	1	14	29	0	42	0	1
4	Khối ngành IV	31	1	3	16	14	1	29	1	1
4.1	<i>Công nghệ sinh học</i>	31	1	3	16	14	1	29	1	1
5	Khối ngành V	87	1	2	18	49	20	82	4	1
5.1	<i>CNKT công trình xây dựng</i>	29	0	2	8	21	0	27	1	1
5.2	<i>Khoa học máy tính</i>	50	1	0	7	23	20	47	3	0
5.3	<i>Quản lý xây dựng</i>	8	0	0	3	5	0	8	0	0
6	Khối ngành VI									
	<i>Ngành....</i>									

STT	Khối ngành	Tổng cộng	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Ngành....									
7	Khối ngành VII	115	0	3	26	86	3	111	3	1
7.1	Công tác xã hội	8	0	0	0	8	0	8	0	0
7.2	Đông Nam á học	8	0	0	3	5	0	7	1	0
7.3	Kinh tế	45	0	2	12	33	0	42	2	1
7.4	Ngôn ngữ Anh	28	0	0	2	25	1	28	0	0
7.5	Ngôn ngữ Nhật	9	0	0	1	6	2	9	0	0
7.6	Ngôn ngữ Trung Quốc	5	0	0	4	1	0	5	0	0
7.7	Xã hội học	12	0	1	4	8	0	12	0	0
	Tổng số	449	6	15	137	288	24	428	16	5

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
Khối ngành 1							
1	1	Andrew-Peter Lian	28/07/1944	Nam	GS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học
2	2	Hoàng Thị Tuyết	08/07/1958	Nam	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học
3	3	Nguyễn Thúy Nga	23/10/1968	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học
4	4	Huỳnh Công Minh Hùng	10/08/1965	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
5	5	Bảo Đạt	06/11/1960	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học
6	6	Nguyễn Thị Thúy Loan	02/01/1977	Nữ		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
7	7	Lê Thị Thanh	12/10/1956	Nữ		Tiến sĩ	Văn học Mỹ
8	8	Khuong Thị Hồng Cẩm	06/04/1982	Nữ		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
9	9	Thạch Ngọc Yến	03/11/1953	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục
10	10	Lê Thị Thanh Thu	12/10/1964	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học
11	11	Đinh Thị Minh Hiền	05/08/1958	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học
12	12	Chowdhury Raqib	17/03/1972	Nam		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục
13	13	Phan Thị Ngọc Thanh	22/04/1984	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục
Khối ngành 3							
14	1	Vân Thị Hồng Loan	01/10/1972	Nữ		Tiến sĩ	Thông tin học
15	2	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	04/03/1968	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế công
16	3	Nguyễn Cao Tùng	20/04/1970	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
17	4	Huỳnh Minh Quang	17/06/1965	Nam		Thạc sĩ	Công trình trên nền đất yếu
18	5	Trần Lê Trọng Phúc	12/12/1981	Nam		Thạc sĩ	Thống kê Toán - Tin học

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
19	6	Tổng Hồng Lam	22/08/1980	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
20	7	Vũ Hữu Đức	26/04/1963	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kế toán
21	8	Hồ Hữu Thụy	20/01/1965	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
22	9	Lê Thị Khoa Nguyên	08/02/1959	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
23	10	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	22/03/1981	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
24	12	Đặng Anh Tuấn	25/10/1977	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
25	13	Nguyễn Tấn Nhân	02/10/1955	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
26	14	Nguyễn Quốc Thắng	05/02/1981	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
27	15	Mạc Hoàng Luân	30/11/1986	Nam		Thạc sĩ	Kế toán - Kiểm toán
28	16	Hồ Thị Thảo	11/02/1970	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
29	17	Hoàng Huy Cường	12/10/1981	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
30	18	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	07/12/1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
31	19	Trần Minh Ngọc	05/02/1987	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
32	20	Trần Tuyết Thanh	05/11/1976	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp
33	21	Phạm Thị Phương Thảo	30/06/1982	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
34	22	Lê Thị Thanh Xuân	27/01/1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý
35	23	Vũ Quốc Thông	20/11/1983	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin thương mại
36	24	Lý Nguyễn Thu Ngọc	22/12/1982	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
37	25	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/04/1971	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý
38	26	Ngô Hoàng Diệp	19/12/1978	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
39	27	Nguyễn Hoàng Phi Nam	10/06/1982	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
40	28	Phạm Minh Vương	26/09/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị tài chính
41	29	Dương Trọng Nhân	30/08/1987	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
42	30	Nguyễn Bảo Châu	21/05/1987	Nam		Thạc sĩ	Luật và quản trị
43	31	Trần Thị Vinh	15/05/1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
44	32	Đinh Thị Thu Hiền	16/05/1986	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
45	33	Hồ Thị Bích Nhon	03/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
46	34	Nguyễn Anh Hoàng Sơn	26/08/1991	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
47	35	Trần Minh Tâm	27/07/1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
48	36	Trần Đình Sơn Anh Minh	06/11/1991	Nam		Thạc sĩ	Kế toán - luật kinh doanh
49	37	Đỗ Phương Thảo	09/10/1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán - Kiểm toán
50	38	Nguyễn Văn Bân	10/05/1960	Nam		Thạc sĩ	Tài chính
51	39	Nguyễn Thái Phúc	12/01/1955	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật hình sự
52	40	Dư Ngọc Bích	27/07/1974	Nữ		Tiến sĩ	Luật kinh doanh và tổ tụng quốc tế
53	41	Lê Thị Hồng Nhung	08/09/1984	Nữ		Tiến sĩ	Luật Hành chính - Hiến pháp
54	42	Nguyễn Tú	21/01/1971	Nam		Tiến sĩ	Luật học
55	43	Nguyễn Thị Tâm	14/05/1984	Nữ		Tiến sĩ	Luật học
56	44	Lê Thị Tuyết Hà	01/01/1979	Nữ		Tiến sĩ	Luật kinh tế
57	45	Vũ Thế Hoài	02/07/1978	Nam		Tiến sĩ	Luật học

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
58	46	Lâm Tố Trang	24/11/1981	Nữ		Tiến sĩ	Luật học
59	47	Phan Đình Khánh	04/08/1958	Nam		Tiến sĩ	Luật học
60	48	Lê Tiến Châu	05/10/1969	Nam		Tiến sĩ	Luật hình sự
61	49	Phạm Sỹ Chung	01/12/1953	Nam		Tiến sĩ	Luật học
62	50	Nguyễn Tấn Phát	12/04/1975	Nam		Tiến sĩ	Luật Thương mại
63	51	Nguyễn Hoàng Thịnh	06/10/1977	Nam		Thạc sĩ	Luật
64	52	Bùi Ngọc Tuyền	06/07/1968	Nam		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế và nhà nước
65	53	Trần Anh Thục Đoan	20/06/1969	Nữ		Thạc sĩ	Thương mại quốc tế
66	54	Trần Thị Mai Phước	14/05/1976	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
67	55	Phan Đăng Hiếu Thuận	20/07/1981	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
68	56	Nguyễn Thị Thúy Nga	12/05/1976	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
69	57	Lương Thị Thu Hương	08/08/1981	Nữ		Thạc sĩ	Luật Kinh tế
70	58	Phạm Thanh Tú	02/07/1979	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
71	59	Nguyễn Thanh Hùng	07/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Luật kinh doanh
72	60	Nguyễn Đình Sơn	09/10/1970	Nam		Thạc sĩ	Luật
73	61	Nguyễn Thị Cát Tường	08/04/1984	Nữ		Thạc sĩ	Luật
74	62	Nguyễn Đăng Nghĩa	12/10/1974	Nam		Thạc sĩ	Luật học
75	63	Võ Minh Đức	21/03/1986	Nam		Thạc sĩ	Luật dân sự
76	64	Phạm Thị Kim Phượng	04/01/1983	Nữ		Thạc sĩ	Luật Kinh tế
77	65	Võ Hưng Minh Hiền	18/04/1985	Nữ		Thạc sĩ	Luật Kinh tế
78	66	Nguyễn Huỳnh Anh Như	28/07/1984	Nữ		Thạc sĩ	Luật hành chính
79	67	Phạm Huy Tiến	20/06/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản lý hành chính công
80	68	Nguyễn Nam Phương	26/10/1985	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
81	69	Dư Huy Quang	22/04/1972	Nam		Thạc sĩ	Luật Hành chính, đất đai
82	70	Hà Đăng Quảng	21/06/1972	Nam		Thạc sĩ	Luật kinh tế
83	71	Lê Xuân Sinh	12/08/1971	Nam		Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và Luật hành chính
84	72	Rainer Stachuletz	16/02/1953	Nam	GS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
85	73	Hoàng Thị Phương Thảo	16/03/1962	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh quốc tế
86	73	Ngô Viết Liêm	23/10/1971	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
87	74	Nguyễn Thuần	10/02/1963	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế
88	75	Trịnh Thùy Anh	13/04/1974	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
89	76	Cao Minh Trí	22/05/1977	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
90	77	Hà Thị Thùy Dương	23/09/1975	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
91	78	Nguyễn Thế Khải	09/04/1979	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
92	79	Vũ Việt Hằng	26/09/1956	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế (Quản trị nhân sự)
93	80	Hoàng Đình Thảo Vy	12/10/1976	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh nông nghiệp
94	81	Nguyễn Hoàng Sinh	20/01/1975	Nam		Tiến sĩ	Marketing
95	82	Phạm Phong Lan	29/02/1976	Nữ		Tiến sĩ	Marketing
96	83	Nguyễn Văn Sơn	29/02/1956	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
97	84	Lê Thị Thanh Loan	18/12/1956	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
98	85	Nguyễn Hữu Từ	03/05/1964	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
99	86	Lê Xuân Thành	17/10/1959	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
100	87	Trần Anh Tuấn	12/02/1945	Nam		Tiến sĩ	Khoa học quản lý
101	88	Jacques Martin	19/07/1951	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
102	89	Nguyễn Thanh Nguyên	10/04/1957	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
103	90	Hồ Ngọc Phương	15/08/1953	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
104	91	Bùi Thị Lan Hương	24/09/1954	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
105	92	Hồ Đắc Nguyên Ngã	08/11/1975	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
106	93	Nguyễn Quỳnh Mai	02/08/1970	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
107	94	Phùng Tấn Hải Triều	08/06/1984	Nam		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
108	95	Trần Thị Kim Loan	14/07/1959	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
109	96	Nguyễn Trung Hiếu	14/03/1965	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
110	97	Nguyễn Thành Long	18/10/1961	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
111	98	Lê Nguyễn Quốc Khang	20/01/1976	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
112	99	Cao Xuân Dung	31/01/1974	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
113	100	Thái Đắc Liệt	28/01/1953	Nam		Tiến sĩ	Khoa học giá cả
114	101	Đỗ Ngọc Sơn	08/05/1959	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế học
115	102	Nguyễn Văn Vẹn	25/04/1974	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
116	103	Võ Thị Mỹ Lệ	18/07/1967	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
117	104	Dương Diễm Châu	28/04/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực
118	105	Lê Thị Vũ Anh	18/11/1978	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
119	106	Huỳnh Gia Xuyên	28/10/1984	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
120	107	Vũ Thị Thanh Trúc	06/02/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
121	108	Đào Vũ Bích Diễm	01/01/1977	Nữ		Thạc sĩ	Lãnh đạo học
122	109	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/08/1970	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
123	110	Đỗ Sa Kỳ	31/12/1967	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
124	111	Trần Ngọc Minh Thư	20/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
125	112	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/08/1978	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
126	113	Nguyễn Văn Thành	08/03/1969	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
127	114	Nguyễn Thị Kim Cúc	09/08/1979	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
128	115	Âu Thị Cẩm Linh	10/08/1969	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế công
129	116	Tô Thị Kim Hồng	08/01/1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế và kinh doanh nông nghiệp
130	117	Lê Thị Minh Tuyết	18/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị nhân sự
131	118	Lê Phúc Loan	03/07/1977	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học quản lý
132	119	Nguyễn Thị Diệu Linh	10/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
133	120	Hồ Trọng Tín	02/08/1987	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
134	121	Trần Tuấn Anh	15/12/1967	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
135	122	Nguyễn Đình Kim	30/01/1959	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
136	123	Nguyễn Thành Long	31/05/1958	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
137	124	Vũ Thanh Hiếu	18/03/1977	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
138	125	Nguyễn Quang Vinh	03/11/1959	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
139	126	Nguyễn Thị Bích	25/06/1981	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
		Phượng					
140	127	Trương Mỹ Diễm	20/03/1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh Quốc tế
141	128	Nguyễn Thị Thủy	14/11/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị du lịch
142	129	Nguyễn Thị Minh Mẫn	22/05/1978	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
143	130	Bùi Thị Quỳnh Ngọc	03/03/1981	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch
144	131	Trần Kiên Việt Thắng	09/04/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
145	132	Trần Việt Hùng	25/05/1981	Nam		Thạc sĩ	Quản lý nguồn nhân lực
146	133	Nguyễn Trần Cẩm Linh	31/08/1984	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
147	134	Đoàn Thị Thanh Thúy	16/11/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
148	135	Ngô Thị Phương Anh	12/01/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
149	136	Đỗ Khắc Xuân Diễm	15/02/1972	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
150	137	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	17/07/1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
151	138	Nguyễn Thị Bích Trâm	09/07/1986	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế thương mại
152	139	Huỳnh Kim Tôn	02/09/1983	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
153	140	Lê Thị Ngọc Tú	05/01/1989	Nữ		Thạc sĩ	Marketing và Quản trị Nhân sự
154	141	Thái Thanh Tuấn	07/01/1976	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
155	142	Phan Thị Thanh Huyền	05/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
156	143	Huỳnh Hạnh Phúc	25/09/1987	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
157	144	Nguyễn Nhật Quang	24/04/1991	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh quốc tế
158	145	Trương Ngọc Anh Vũ	30/11/1989	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
159	146	Phạm Nam Vĩnh An	17/07/1979	Nam		Thạc sĩ	Quản trị nhân sự
160	147	Nguyễn Thúy Huyền	11/08/1974	Nữ		Thạc sĩ	Kế hoạch hóa và quản lý KTQD
161	148	Bùi Anh Sơn	20/06/1962	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
162	149	Phạm Minh Thiên Phước	19/03/1983	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản học
163	150	Ngô Đôn Uy	27/09/1970	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
164	151	Lý Duy Trung	28/02/1976	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
165	152	Hồ Thị Bảo Uyên	04/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
166	153	Trần Thị Hồng Hậu	18/08/1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
167	154	Nguyễn Thị Anh Thảo	09/01/1968	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
168	155	Nguyễn Ngọc Thông	07/10/1987	Nam		Thạc sĩ	Quản trị chất lượng và hiệu quả kinh doanh
169	156	Nguyễn Thủy Quyên	16/06/1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
170	157	Đặng Thị Thảo Ly	15/09/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
171	158	Lê Khoa Nguyên	12/06/1982	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
172	159	Huỳnh Thị Kim Tuyết	24/02/1976	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
173	160	Bùi Văn Minh	13/11/1965	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
174	161	Nguyễn Tristan	07/11/1969	Nam	GS	Tiến sĩ	Tài chính - Kế toán
175	162	Berde Eva	16/09/1960	Nam	GS	Tiến sĩ	Kinh tế - tài chính
176	163	Nguyễn Minh Kiều	05/07/1964	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
177	164	Võ Hồng Đức	25/09/1976	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
178	165	Phạm Hà	12/05/1977	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
179	166	Võ Minh Long	09/09/1976	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
180	167	Trần Thế Sao	15/12/1979	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
181	168	Dương Quỳnh Nga	01/09/1981	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
182	169	Lê Huyền Ngọc	07/11/1961	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
183	170	Dương Minh Châu	25/03/1981	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
184	171	Trần Anh Tuấn	02/07/1974	Nam		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế và Tài chính - Ngân hàng
185	172	Lê Hoàng Anh	29/04/1968	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế - tài chính
186	173	Trần Lương Anh	22/09/1979	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
187	174	Nguyễn Kim Phước	25/03/1971	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
188	175	Phan Thị Thu Phương	19/05/1968	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
189	176	Nguyễn Tấn Lượng	29/11/1977	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
190	177	Nguyễn Thanh Hải	11/07/1969	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
191	178	Nguyễn Thị Thanh Thủy	03/05/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh chuyên ngành tài chính
192	179	Vũ Bích Ngọc	17/09/1982	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính
193	180	Nguyễn Như Ánh	19/04/1976	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính tín dụng và lưu thông tiền tệ
194	181	Phan Thị Minh Huệ	19/11/1981	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính ngân hàng
195	182	Phan Ngọc Thùy Như	06/06/1976	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính tín dụng
196	183	Nguyễn Thị Phương Thanh	26/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
197	184	Mai Mẫn Nhi	23/03/1987	Nữ		Thạc sĩ	Phân tích tài chính
198	185	Nguyễn Quốc Việt	09/10/1976	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
199	186	Trần Hoàng Trúc Linh	02/11/1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh và thương mại
200	187	Trịnh Doanh Doanh	11/02/1988	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
201	188	Nguyễn Thị Ánh Như	20/11/1980	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính ứng dụng
202	189	Võ Tấn Bảo	16/04/1985	Nam		Thạc sĩ	Thương mại
203	190	Phan Ngọc Tấn	06/03/1978	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
204	191	Huỳnh Thái Bảo	26/11/1978	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
205	192	Nguyễn Lê Ngọc Hoàn	25/08/1974	Nam		Thạc sĩ	Quản trị tài chính
206	193	Đoàn Bảo Huy	12/03/1988	Nam		Thạc sĩ	Tài chính
207	194	Phạm Hoàng Thạch	25/05/1984	Nam		Thạc sĩ	Tài chính
208	195	Ngô Thành Trung	09/01/1986	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
209	196	Chung Thúy An	09/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính
210	197	Vũ Hữu Thành	22/01/1979	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
211	198	Phan Quỳnh Trang	21/04/1985	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế và Tài chính
212	199	Phạm Thu Hương	29/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
213	200	Nguyễn Đặng Phương Hiền	27/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính
214	201	Nguyễn Minh Thơ	17/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
215	202	Nguyễn Lê Tiểu Tiên	02/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính và Ngân quỹ
216	203	Phan Hồng Hạnh	29/03/1987	Nữ		Thạc sĩ	Tiền tệ quốc tế - Ngân hàng

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
Khối ngành 4							
217	1	Salvatore Massa	06/02/1945	Nam	GS	Tiến sĩ	Vi sinh vật học
218	2	Lê Huyền Ái Thúy	16/08/1972	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Sinh học phân tử
219	3	Trịnh Hữu Phước	01/07/1945	Nam	PGS	Tiến sĩ	Sinh lý động vật
220	4	Phạm Thành Hồ	03/04/1940	Nam	PGS	Tiến sĩ	Di truyền học
221	5	Bùi Thị Mỹ Hồng	22/12/1968	Nữ		Tiến sĩ	Sinh lý học thực vật
222	6	Lê Quang Anh Tuấn	07/02/1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ Protein - Enzim
223	7	Hồ Bảo Thùy Quyên	07/11/1980	Nam		Tiến sĩ	Tài nguyên sinh vật
224	8	Lê Thị Trúc Linh	30/03/1983	Nữ		Tiến sĩ	Di truyền học
225	9	Đặng Thanh Dũng	29/03/1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
226	10	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	17/09/1977	Nữ		Tiến sĩ	Sinh học và môi trường
227	11	Lê Thị Kính	06/06/1955	Nữ		Tiến sĩ	Di truyền học - sinh học phân tử
228	12	Bùi Xuân Khôi	05/05/1954	Nam		Tiến sĩ	Nông học
229	13	Nguyễn Văn Hòa	30/12/1971	Nam		Tiến sĩ	Bệnh học cây trồng
230	14	Trương Vĩnh Hải	19/10/1966	Nam		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng
231	15	Đỗ Việt Hà	20/07/1970	Nam		Tiến sĩ	Hóa học thực phẩm
232	16	Lê Tiến Dũng	06/01/1978	Nam		Tiến sĩ	Hóa hữu cơ
233	17	Thái Hữu Phú	18/07/1983	Nam		Thạc sĩ	Sinh lý thực vật
234	18	Nguyễn Thanh Mai	10/10/1966	Nữ		Thạc sĩ	Vi sinh - sinh học phân tử
235	19	Nguyễn Văn Minh	05/01/1980	Nam		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
236	20	Như Xuân Thiện Chân	23/10/1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
237	21	Trương Kim Phượng	17/08/1979	Nữ		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
238	22	Nguyễn Thị Lệ Thủy	11/03/1978	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
239	23	Lý Thị Minh Hiền	21/08/1983	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật
240	24	Nguyễn Trần Đông Phương	17/01/1977	Nữ		Thạc sĩ	Sinh lý Thực vật
241	25	Nguyễn Thị Phương Khanh	17/09/1979	Nữ		Thạc sĩ	Sinh lý thực vật
242	26	Dương Nhật Linh	01/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
243	27	Tạ Đăng Khoa	15/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật
244	28	Nguyễn Minh Hoàng	18/01/1973	Nam		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ
245	29	Lao Đức Thuận	27/07/1987	Nam		Thạc sĩ	Sinh lý động vật
246	30	Trần Thị Việt Hà	05/05/1972	Nữ		Thạc sĩ	Bảo vệ thực phẩm
247	31	Tôn Nữ Tùng Kim	05/12/1988	Nữ		Cử nhân	Công nghệ Sinh học
Khối ngành 5							
248	1	Trần Tuấn Anh	04/05/1978	Nam	PGS	Tiến sĩ	Xây dựng
249	2	Nguyễn Trọng Phước	25/01/1977	Nam	PGS	Tiến sĩ	Xây dựng
250	3	Trần Thanh Danh	22/04/1986	Nam		Tiến sĩ	Địa chất công trình
251	4	Nguyễn Phú Cường	04/11/1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật kết cấu
252	5	Lê Trọng Hải	09/08/1952	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
253	6	Ngô Trần Công Luận	10/09/1969	Nam		Tiến sĩ	Xây dựng
254	7	Trần Thái Hà	06/10/1986	Nam		Tiến sĩ	Hóa học - Khoáng Công

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
							nghệ
255	8	Nguyễn Quang Hưng	10/11/1970	Nam		Tiến sĩ	Tự động hóa
256	9	Nguyễn Chí Phương	03/12/1976	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Khoa học và Công nghệ
257	10	Tổng Hào Kiệt	23/06/1984	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học kỹ thuật
258	11	Nguyễn Lê Minh Long	15/01/1983	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng
259	12	Lê Văn Bình	08/02/1978	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp
260	13	Nguyễn Văn Thế Huy	24/04/1988	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng
261	14	Khúc Thị Kim Quyên	20/08/1985	Nữ		Thạc sĩ	Thiết bị, mạng và nhà máy điện
262	15	Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	06/09/1973	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình ngầm, mỏ và các công trình đặc biệt
263	16	Trần Trung Dũng	05/01/1983	Nam		Thạc sĩ	Cơ học xây dựng Châu Âu
264	17	Lâm Ngọc Trà My	03/07/1982	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng ô tô và đường thành phố
265	18	Nguyễn Trọng Nghĩa	02/06/1984	Nam		Thạc sĩ	Địa kỹ thuật và môi trường
266	19	Nguyễn Hoài Nghĩa	23/05/1979	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật
267	20	Bùi Anh Kiệt	17/04/1983	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng Công trình thủy
268	21	Lê Thanh Cường	11/05/1981	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
269	22	Trần Thị Nguyên Cát	21/03/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý dự án công trình xây dựng
270	23	Phan Vũ Phương	15/02/1988	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
271	24	Võ Quang Tường	02/11/1981	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng công trình thủy
272	25	Nguyễn Ngọc Uyên	29/05/1980	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
273	26	Đoàn Quang Phương	02/07/1984	Nam		Thạc sĩ	Quản Lý Dự Án
274	27	Đỗ Thị Kim Chi	06/01/1981	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
275	28	Nguyễn Đức An	06/11/1983	Nam		Thạc sĩ	Vật lý vô tuyến và Điện tử
276	29	Trần Kim Chi	22/11/1969	Nữ		Thạc sĩ	khoa học và quản lý môi trường
277	30	Thầy Trường sẽ ký		Nam	GS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
278	31	Lê Xuân Trường	08/11/1965	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
279	32	Võ Nhật Vinh	12/11/1982	Nam		Tiến sĩ	Tin học
280	33	Lưu Vĩnh Trung	25/10/1979	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
281	34	Phan Đạt Phúc	27/11/1968	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
282	35	Đào Thế Long	05/10/1949	Nam		Tiến sĩ	Xử lý tín hiệu và mạng truyền số liệu
283	36	Ngô Minh Vương	05/08/1981	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
284	37	Nguyễn Phi Hùng	26/01/1974	Nam		Thạc sĩ	Tin học
285	38	Huỳnh Nguyễn Huy Hoàng	08/10/1983	Nam		Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính
286	39	Ninh Xuân Hương	31/07/1966	Nam		Thạc sĩ	Tin học
287	40	Thái Chí Biền	11/04/1973	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
288	41	Tô Oai Hùng	05/04/1959	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
289	42	Hồ Quang Khải	15/07/1969	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
290	43	Nguyễn Thị Trâm Anh	08/06/1971	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
291	44	Lê Hồng Thái	07/06/1960	Nam		Thạc sĩ	Tin học
292	45	Nguyễn Thị Mai Trang	17/06/1967	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
293	46	Trương Hoàng Vinh	28/03/1983	Nam		Thạc sĩ	Tin học
294	47	Võ Thị Kim Anh	10/07/1983	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
295	48	Lê Viết Tuấn	12/02/1984	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
296	49	Lưu Quang Phương	11/10/1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
297	50	Võ Thị Hồng Tuyết	15/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
298	51	Dương Hữu Thành	15/01/1989	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
299	52	Nguyễn Thị Phương Trang	25/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
300	53	Nguyễn Chí Thanh	21/12/1982	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
301	54	Âu Anh Thông	21/02/1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
302	55	Nguyễn Phước Thuật Nhiên	20/10/1974	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
303	56	Hà Minh Đức	21/12/1973	Nam		Thạc sĩ	Tin học
304	57	Vũ Văn Hưng	12/01/1980	Nam		Thạc sĩ	Tin học
305	58	Nguyễn Quang Trình	14/05/1963	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
306	59	Nguyễn Thành Công	17/11/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
307	60	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	09/05/1972	Nữ		Cử nhân	Tin học
308	61	Dương Thanh Sang	23/07/1988	Nam		Cử nhân	Tin học
309	62	Phạm Thị Phương Thảo	11/11/1984	Nữ		Cử nhân	Tin học
310	63	Nguyễn Tiến Tâm	08/10/1971	Nam		Cử nhân	Tin học
311	64	Phạm Minh Dzu	07/02/1978	Nam		Cử nhân	Tin học
312	65	Trần Đại Ngân	16/02/1972	Nam		Cử nhân	Tin học
313	66	Hà Thị Tuyền	06/06/1983	Nữ		Cử nhân	Tin học
314	67	Đỗ Kim Đoàn	01/02/1968	Nam		Cử nhân	Tin học
315	68	Nguyễn Quốc Thuận	29/05/1985	Nam		Cử nhân	Tin học
316	69	Phạm Hùng Cẩm Huyền Anh	13/02/1972	Nữ		Cử nhân	Tin học
317	70	Đỗ Đại Dương	02/08/1974	Nam		Cử nhân	Tin học
318	71	Tô Phan Tấn Sỹ	17/08/1988	Nam		Cử nhân	Tin học
319	72	Nguyễn Thị Thúy Loan	06/08/1976	Nữ		Cử nhân	Tin học
320	73	Phạm Viết Luật	08/09/1978	Nam		Cử nhân	Tin học

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
321	74	Nguyễn Lê Khang	07/09/1983	Nam		Cử nhân	Tin học
322	75	Lê Nguyễn Hồ Hải Ngân	19/12/1985	Nam		Cử nhân	Công nghệ thông tin
323	76	Trần Hữu Nhân	25/05/1982	Nam		Cử nhân	Công nghệ thông tin
324	77	Hồ Anh Chương	26/12/1981	Nam		Cử nhân	Công nghệ thông tin
325	78	Nguyễn Huỳnh Hải Viễn	30/07/1978	Nam		Cử nhân	Công nghệ thông tin
326	79	Lê Anh Minh	24/08/1966	Nam		Cử nhân	Tin học
327	80	Nguyễn Thanh Phong	17/11/1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ và Quản lý xây dựng
328	81	Nguyễn Bảo Thành	15/04/1979	Nam		Tiến sĩ	Quy hoạch đô thị
329	82	Võ Nguyễn Phú Huân	12/09/1986	Nam		Tiến sĩ	Xây dựng
330	83	Trần Thúc Tài	03/09/1965	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
331	84	Đỗ Hoàng Hải	06/08/1974	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ và Quản lý Xây dựng
332	85	Trần Hải Yến	31/03/1989	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học thủy lực
333	86	Phan Thanh Phương	04/12/1977	Nam		Thạc sĩ	Quản Lý Dự Án
334	87	Võ Đăng Khoa	24/07/1992	Nam		Thạc sĩ	Quản lý xây dựng
Khối ngành 7							
335	1	Huỳnh Minh Hiền	11/06/1977	Nam		Thạc sĩ	Công tác xã hội
336	2	Trần Thị Thanh Trà	13/05/1984	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
337	3	Doãn Thị Ngọc	30/09/1972	Nữ		Thạc sĩ	Công tác xã hội
338	4	Phan Thị Mai Quyên	04/07/1984	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
339	5	Nguyễn Ly Lai	29/07/1981	Nam		Thạc sĩ	Công tác xã hội
340	6	Nguyễn Kim Thanh	22/11/1962	Nữ		Thạc sĩ	Công tác xã hội
341	7	Trần Thị Tuyết Mai	15/06/1961	Nữ		Thạc sĩ	Công tác xã hội
342	8	Nguyễn Thị Minh Phương	05/06/1960	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý lâm sàng
343	9	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	06/11/1970	Nữ		Tiến sĩ	Lịch sử
344	10	Lý Quyết Tiến	23/04/1959	Nam		Tiến sĩ	Đông Á và Khoa học Nhân văn
345	11	Tào Văn Ân	20/01/1953	Nam		Tiến sĩ	Ngữ văn - Đông Nam á
346	12	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	04/03/1982	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á học
347	13	Đàng Năng Hòa	01/10/1974	Nam		Thạc sĩ	Nhân học văn hóa
348	14	Nguyễn Thị Tâm Anh	19/11/1979	Nữ		Thạc sĩ	Văn hóa học
349	15	Đặng Thị Quốc Anh Đào	10/10/1979	Nữ		Thạc sĩ	Dân tộc học
350	16	Nguyễn Thị Kim Yến	29/06/1977	Nữ		Thạc sĩ	Văn hóa học
351	17	Nguyễn Minh Hà	01/11/1972	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế
352	18	Lê Bảo Lâm	08/01/1957	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế
353	19	Võ Thị Kim Loan	18/11/1979	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị
354	20	Nguyễn Minh Tuấn	14/05/1962	Nam		Tiến sĩ	Tiến sĩ Kinh tế chính trị

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
355	21	Ngô Gia Lưu	19/08/2952	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị
356	22	Nguyễn Thị Than Liên	19/07/1959	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị
357	23	Lê Thái Thường Quân	30/06/1967	Nam		Tiến sĩ	Nghiên cứu Phát triển
358	24	Phạm Đình Long	22/02/1979	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
359	25	Trần Du Lịch	19/08/1952	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
360	26	Nguyễn Văn Dư	17/07/1971	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế học
361	27	Lê Thanh Tùng	12/08/1979	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế học
362	28	Lê Hồ Phong Linh	16/10/1979	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
363	29	Nguyễn Thành Nhân	01/09/1968	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
364	30	Phan Hải Đăng	16/09/1983	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học
365	31	Đinh Uyên Phương	12/11/1970	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
366	32	Tạ Thị Lan Anh	16/05/1971	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
367	33	Nguyễn Thị Giang	15/02/1982	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị
368	34	Huỳnh Đặng Bích Vy	10/03/1982	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
369	35	Ng.Lê Hoàng Thụy Tố Quyên	27/09/1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
370	36	Võ Thế Anh	12/10/1990	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
371	37	Phạm Ngọc Thạch	26/05/1991	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
372	38	Nguyễn Thị Bích Thủy	21/03/1983	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế học
373	39	Biện Chứng Học	28/11/1980	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học
374	40	Lê Thị Kiều Hạnh	18/04/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công
375	41	Nguyễn Diễm Kiều	17/08/1986	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế học
376	42	Đặng Văn Thanh	02/08/1959	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
377	43	Hồ Thanh Trúc	14/11/1989	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
378	44	Hồ Hữu Trí	01/01/1961	Nam		Thạc sĩ	Quản lý chính sách kinh tế
379	45	Phạm Quang Anh Thư	25/04/1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
380	46	Lê Công Tâm	29/03/1977	Nam		Thạc sĩ	Luật học
381	47	Quan Minh Quốc Bình	26/04/1987	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
382	48	Doãn Thị Thanh Thủy	20/06/1986	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách công
383	49	Nguyễn Đức Vinh	20/10/1984	Nam		Thạc sĩ	Chính sách công
384	50	Mai Hoàng Chương	14/10/1978	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học
385	51	Võ Thị Ngọc Trinh	06/12/1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
386	52	Hồ Quốc Tuấn	12/06/1989	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
387	53	Nguyễn Thị Phúc Doang	20/06/1983	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách công
388	54	Phạm Thị Ngọc Sương	16/11/1970	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế học
389	55	Dương Tiến Hà My	02/09/1990	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế học
390	56	Nguyễn Minh Đồi	16/09/1988	Nam		Thạc sĩ	Chính sách công
391	57	Lê Hồng Thi	05/02/1983	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học
392	58	Huỳnh Nguyễn Tuyết Quyên	04/10/1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế học
393	59	Lương Duy Quang	20/05/1984	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
394	60	Lý Ngọc Linh	06/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế học
395	61	Trần Văn Trí	07/08/1991	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
396	62	Hồ Đặng Tường Nguyên	19/08/1983	Nam		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
397	63	Nguyễn Thị Xuân Lan	21/02/1976	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
398	64	Kiều Hằng Kim Anh	15/11/1981	Nữ		Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
399	65	Phan Ngọc Thanh Ngân	29/04/1981	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học
400	66	Đoàn Hồ Đan Tâm	14/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
401	67	Lê Anh Tú	13/07/1985	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Anh
402	68	Lê Phương Thảo	01/01/1975	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
403	69	Nguyễn Thị Mộng Thúy	20/09/1976	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
404	70	Nguyễn Minh Tú	31/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận & Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
405	71	Phan Thị Thu Nga	01/10/1971	Nữ		Thạc sĩ	Nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Anh
406	72	Nguyễn Kim Quý	20/10/1972	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
407	73	Lê Quang Trực	27/10/1964	Nam		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
408	74	Trần Vũ Diễm Thuý	15/12/1980	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận & Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
409	75	Dương Đoàn Hoàng Trúc	20/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
410	76	Ngô Vũ Phong	07/05/1974	Nam		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
411	77	Nguyễn Thị Xuân Mai	08/11/1989	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
412	78	Bùi Đỗ Công Thành	28/10/1984	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy Tiếng Anh
413	79	Đoàn Kim Khoa	29/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
414	80	Nguyễn Châu Bích Tuyền	27/02/1977	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
415	81	Trần Minh Tuấn	03/09/1982	Nam		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
416	82	Mai Minh Tiến	14/05/1985	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
417	83	Trần Ái Duy	19/11/1990	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
418	84	Trần Thị Diệu Long	09/03/1991	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
419	85	Hoàng Hữu Nhân	22/11/1977	Nam		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
420	86	Trần Thị Quý Thu	21/02/1973	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
421	87	Phạm Thị Hồng Anh	24/02/1979	Nam		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
422	88	Lê Minh Quang	09/04/1974	Nam		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
423	89	Nguyễn Thanh Hòa	12/08/1990	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
424	90	Lê Ngọc Thụy Uyên	21/4/1974	Nữ		Tiến sĩ	Tiếng Nhật
425	91	Phạm Minh Tú	12/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Nhật
426	92	Chu Vũ Như Nguyễn	09/08/1979	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á học (Tiếng Nhật)

STT	STT BP		NGÀY SINH	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
427	93	Nguyễn Như Ngân	18/03/1983	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á học
428	94	Đinh Thị Lệ Thu	02/12/1977	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Nhật
429	95	Asano Tetsuya	01/06/1951	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Nhật
430	96	Chisato Ina	12/08/1975	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Nhật
431	97	Lý Khánh Hùng	10/03/1988	Nam		Cử nhân	Tiếng Nhật
432	98	Lê Võ Phương Linh	22/09/1993	Nữ		Cử nhân	Tiếng Nhật
433	99	Hồ Thị Trinh Anh	20/11/1975	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
434	100	Trương Vỹ Quyền	28/03/1977	Nam		Tiến sĩ	Văn học hiện đương đại Trung Quốc
435	101	La Thị Thúy Hiền	09/05/1978	Nữ		Tiến sĩ	Ngữ văn Tiếng Trung Quốc
436	102	Trần Quang Huy	16/11/1986	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng
437	103	Nguyễn Lý Uy Hân	24/09/1974	Nam		Thạc sĩ	Châu Á học
438	104	Trần Hữu Quang	14/10/1953	Nam	PGS	Tiến sĩ	Xã hội học
439	105	Nguyễn Xuân Nghĩa	27/06/1951	Nam		Tiến sĩ	Xã hội học
440	106	Trần Tử Vân Anh	14/10/1982	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học
441	107	Nguyễn Khánh Trung	07/07/1970	Nam		Tiến sĩ	Xã hội học
442	108	Nguyễn Phúc Bình	28/09/1973	Nữ		Thạc sĩ	Văn hóa học
443	109	Trần Thị Lệ Quyên	07/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
444	110	Lâm Thị Ánh Quyên	24/08/1971	Nữ		Thạc sĩ	Xã hội học
445	111	Lê Minh Tiến	10/10/1974	Nam		Thạc sĩ	Xã hội học
446	112	Tôn Nữ Ái Phương	21/04/1965	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học
447	113	Đỗ Hồng Quân	20/08/1984	Nam		Thạc sĩ	Xã hội học
448	114	Bùi Nhật Phong	29/08/1981	Nam		Thạc sĩ	Xã hội học
449	115	Trần Thị Hoa	09/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Xã hội học
Khối ngành chung							
450	1	Nguyễn Như Lân	8/24/1977	Nam		Tiến sĩ	Toán học
451	2	Dương Thị Mai Phương	18/11/1966	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học
452	3	Nguyễn Giang Châu	26/06/1985	Nữ		Thạc sĩ	Triết học Mác Lênin
453	4	Trần Duy Mỹ	20/11/1982	Nam		Thạc sĩ	Lịch sử
454	5	Trình Quốc Trung	22/03/1965	Nam		Thạc sĩ	Thể dục
455	6	Trịnh Thị Thanh Hải	16/08/1978	Nữ		Thạc sĩ	Toán học
456	7	Võ Thanh Hải	15/09/1971	Nam		Thạc sĩ	Toán học
457	8	Trần Trung Kiệt	16/04/1974	Nam		Thạc sĩ	Toán đại số
458	9	Hứa Văn Đức	18/05/1965	Nam		Thạc sĩ	Anh văn
459	10	Trịnh Trung Dũng	04/12/1966	Nam		Cử nhân	Thể dục

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	16.13
4	Khối ngành IV	10.77
5	Khối ngành V	19.06
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	23.65

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Hữu Đức